

Bản án số: 312/2025/DS-PT

Ngày: 25/4/2025

“V/v Tranh chấp đòi tiền lãi cho vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Văn Thuận.

Các Thẩm phán: - Ông Cao Anh Tuấn;

- Ông Trương Chí Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2025/TLPT-DS ngày 28/02/2025 về việc “Tranh chấp đòi tiền lãi cho vay”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 237/2025/QĐ-PT, ngày 31/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 257/QĐPT-HPT, ngày 14/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Tự C, sinh năm 1955; nơi thường trú: Số B, ngách C đường B, phường V, quận B, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: P tòa nhà C Khu đô thị V, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội (có mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần G; địa chỉ trụ sở: Số B phố Đ, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình H, sinh năm 1960 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; nơi cư trú: Số D L, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn B - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (theo Giấy uỷ quyền số 40/GUQ ngày 27/5/2024) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung bản tự khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Lê Tự C trình bày:

Năm 2010, Công ty Cổ phần G (sau đây gọi tắt là Công ty) có chủ trương huy động vốn của cán bộ, công nhân viên trong Công ty để đầu tư xây dựng dự án tổ hợp trụ sở làm việc, văn phòng cho thuê và khách sạn 5 sao tại xã T và xã M, huyện T (cũ), Thành phố Hà Nội.

Ngày 01/12/2010, Hội đồng quản trị công ty ban hành văn bản Phương án huy động vốn số 44/PA-GLP có nội dung Đối tượng huy động vốn: Các cổ đông, thành viên HĐQT, cán bộ công nhân viên trong Công ty. Thời gian huy động vốn: 01 năm trả cả gốc và lãi một lần Lãi suất vay: Tùy theo đối tượng từ 40 đến 100% một năm, đối với các cổ đông được áp dụng mức lãi 75% một năm, không quy định lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Ngày 19 tháng 01 năm 2011, tôi đã nộp số tiền cho Công ty vay là: 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng), với lãi suất Công ty chủ động đưa ra là 75% một năm. Thời hạn trả cả gốc và lãi là 01 năm (tức là 19 tháng 01 năm 2012 đến hạn trả) việc vay này hoàn toàn không có tài sản bảo đảm. Công ty đã không thực hiện cam kết trả nợ cho tôi như thỏa thuận cả gốc và lãi đối với số tiền đã vay của tôi. Trong suốt nhiều năm, tôi đã nhiều lần yêu cầu Công ty trả tiền nhưng họ vẫn không trả và lần nữa khất nợ hết năm này qua năm khác, tại các văn bản trả lời của Công ty cũng không thoả thuận về lãi.

Đối với thỏa thuận giữa tôi và Công ty chỉ là thỏa thuận vay tiền trả lãi, tôi hoàn toàn không được hưởng bất kỳ gì về quyền lợi nào khác từ dự án mà Công ty huy động vốn để đầu tư.

Công ty đã có nhiều văn bản gửi cho tôi xác nhận việc vay tiền, cam kết về lãi suất và khất nợ cụ thể như sau:

- Thông báo số 15/TB-GLP ngày 7/12/2012 có nội dung: Cam kết trả gốc và lãi trong năm đầu tiên như thỏa thuận sau khi đã trừ 10% thuế trên tiền lãi là: 3.852.500.000 đồng, thời gian tiếp theo sẽ được tính lãi cho toàn bộ số tiền cả gốc và lãi nêu trên với mức lãi suất cho vay của Ngân hàng N tương ứng với thời gian chậm trả.

- Công Văn số 43/CV-GLP ngày 19/12/2012 có nội dung khẳng định lại cam kết tại thông báo số 15 nêu trên và xác định lãi suất cho vay năm 2012 là 15%/năm.

- Thông báo số 04/TB-GLP ngày 12/5/2014 có nội dung: Giữ nguyên cam kết tính lãi như các văn bản trên và khất đến hết quý VI năm 2014 sẽ trả hết một lần cả gốc và lãi.

- Thông báo số 09/TB-GLP ngày 29/8/2019 có nội dung: Tiếp tục xác nhận cách tính lãi như các văn bản trên và nhất đến hết quý III năm 2020 sẽ trả hết cả gốc và lãi.

- Thông báo số 12/TB-GLP ngày 14/8/2020 có nội dung: Tiếp tục xác nhận cách tính lãi như các văn bản trên và nhất đến sau khi hết đại dịch Covid.

Ngày 26/4/2021, Công ty đã thanh toán cho tôi tiền gốc là 2.300.000.000 đồng. Toàn bộ tiền lãi vẫn tiếp tục nhất nợ, chưa trả. Sau khi trả tiền nợ gốc cho đến nay Công ty vẫn chưa trả cho tôi thêm khoản tiền nào.

Về số liệu và phương thức tính lãi tôi trình bày như sau:

Tại thời điểm tôi cho Công ty cổ phần G vay tiền và đồng ý với phương án tính lãi của họ, tôi đã không có sự tìm hiểu và không biết về quy định lãi suất khi cho vay của pháp luật. Thời điểm nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, tôi đã tìm hiểu các thông tin và quy định của pháp luật về lãi suất cho vay, nên bản thân tôi biết mức lãi suất mà công ty đưa ra là không đúng pháp luật và tôi có đưa ra mức lãi suất khác dựa trên quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005: Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố đối với loại cho vay tương ứng. Tại thời điểm năm 2011, lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố là 9%.

Chi tiết tính lãi trên nợ gốc từ ngày 19/01/2011 đến 19/01/2016 theo Bộ luật dân sự năm 2005, sau thời gian hết một năm tôi tự động chuyển lãi thành gốc cho năm tiếp theo. Thời hạn 01 năm từ 19/01/2011 đến 18/01/2012 có thoả thuận là 75%/ năm nhưng đến nay tôi chỉ tính lãi suất quá hạn là $9\% \times 150\% = 13,5\%$.

- Năm 2012 (từ 19/01/2011 đến 18/01/2012).

+ Tiền gốc: 2.300.000.000 đồng; Lãi suất cho vay: $150\% \times 9\% = 13,5\%$

+ Tiền lãi = 2.300.000.000 đồng $\times 13,5\%/năm \times 1 năm = 310.500.000$ đồng.

Tổng tiền: 2.300.000.000 đồng + 310.500.000 đồng = 2.610.500.000 đồng.

- Năm 2013 (từ 19/01/2012 đến 18/01/2013).

+ Tiền gốc : 2.610.500.000 đồng.

+ Lãi suất cho vay: $150\% \times 9\% = 13,5\%$

+ Tiền lãi: 2.610.500.000 đồng $\times 13,5\%/năm \times 1 năm = 352.418.000$ đồng.

Tổng tiền: 2.610.500.000 đồng + 352.418.000 đồng = 2.962.918.000 đồng.

- Năm 2014 (từ 19/01/2013 đến 18/1/2014).

+ Tiền gốc : 2.962.918.000 đồng.
+ Lãi suất cho vay: $150\% \times 9\% = 13,5\%$
+ Tiền lãi: 2.962.918.000 đồng $\times 13,5\%$ năm $\times 1$ năm = 399.993.000 đồng.
Tổng tiền: 2.962.918.000 đồng + 399.993.000 đồng = 3.362.911.000 đồng.

- Năm 2015 (từ 19/01/2014 đến 18/01/2015)

+ Tiền gốc : 3.362.911.000 đồng.
+ Lãi suất cho vay: $150\% \times 9\% = 13,5\%$
+ Tiền lãi: 3.362.911.000 đồng $\times 13,5\%$ năm $\times 1$ năm = 453.993.000 đồng.
Tổng tiền: 3.362.911.000 đồng + 453.993.000 đồng = 3.816.904.000 đồng.

- Năm 2016 (từ 19/01/2015 đến 18/01/2016)

+ Tiền gốc : 3.816.904.000 đồng.
+ Lãi suất cho vay: $150\% \times 9\% = 13,5\%$
+ Tiền lãi: 3.816.904.000 đồng $\times 13,5\%$ năm $\times 1$ năm = 515.282.000 đồng.
Tổng tiền : 3.816.904.000 đồng + 515.282.000 đồng = 4.332.186.000 đồng.

- Năm 2017 (từ 19/01/2016 đến 18/01/2017).

+ Tiền gốc: 4.332.186.000 H đồng.
+ Lãi suất cho vay: 13,5%.
+ Tiền lãi: 4.332.186.000 đồng $\times 13,5\%$ năm $\times 1$ năm = 584.845.000 đồng.
Tổng tiền: 4.332.186.000 đồng + 584.845.000 đồng = 4.917.032.000 đồng.

Năm 2017, Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, áp dụng Khoản 1 Điều 468 và kết hợp với văn bản công văn số 43/CV-GLP mà công ty gửi cho tôi ngày 19/12/2012 có đề nghị từ phía công ty sẽ trả tiền cho tôi theo lãi suất là 15% /năm. Khoản tiền mà công ty phải trả cho tôi được tính cụ thể như sau:

- Năm 2018 (từ 19/01/2017 đến 18/01/2018).

+ Tiền gốc : 4.917.032 .000 đồng.
+ Lãi suất cho vay: 15%.
+ Tiền lãi : 4.917.032 .000 $\times 15\%$ /năm = 737.554.000 đồng.

Tổng tiền: 4.917.032 .000 đồng + 737.554.000 đồng= 5.654.586.000 đồng.

- Năm 2019 (từ 19/01/2018 đến 18/01/2019)

+ Tiền gốc: 5.654.586.000 đồng.
+ Lãi suất cho vay: 15%

+ Tiền lãi: $5.654.586.000 \times 15\% / \text{năm} = 848.188.000$ đồng.

Tổng tiền: $5.654.586.000 + 848.188.000 = 6.502.774.000$ đồng.

- Năm 2020 (từ 19/01/2019 đến 18/01/2020)

+ Tiền gốc : 6.502.774.000 đồng.

+ Lãi suất cho vay: 15%

+ Tiền lãi: $6.502.774.000 \text{ đồng} \times 15\% / \text{năm} = 975.417.000$ đồng.

Tổng tiền: $6.502.774.000 \text{ đồng} + 975.417.000 \text{ đồng} = 7.478.191.000$ đồng.

Ngày 26/04/2021 Công ty cổ phần G đã trả cho tôi số tiền gốc là 2.300.000.000 đồng và hoàn toàn chưa trả tiền lãi. Tính từ ngày 19/01/2021 đến ngày 26/04/2021 là 3 tháng 8 ngày, làm tròn thành 3 tháng. Khoản tiền cụ thể mà công ty phải trả cho tôi tính như sau.

- Năm 2021 (từ 19/01/2020 đến 18/01/2021)

+ Tiền gốc: 7.478.191.000 đồng.

+ Lãi suất cho vay: 15%

+ Tiền lãi tính đến 26/4/2021: $7.478.191.000 \text{ đồng} \times 15\% / \text{năm} \times 3/12 \text{ tháng} = 280.432.162$ đồng.

Tổng tiền tính đến ngày 26/4/2021: $7.478.191.000 \text{ đồng} + 280.432.162 \text{ đồng} = 7.758.623.162$ đồng.

+ Tiền lãi tính từ ngày 26/4/2021 đến 19/1/2022:

$(7.758.623.162 \text{ đồng} - 2.300.000.000 \text{ đồng}) \times 15\% / \text{năm} \times 9/12 \text{ tháng} = 614.095.105$ đồng.

Tổng tiền công ty phải trả sau khi trừ gốc: $(7.758.623.162 \text{ đồng} - 2.300.000.000 \text{ đồng}) + 614.095.105 \text{ đồng} = 6.072.718.267$ đồng.

- Năm 2022 (từ 19/01/2021 đến 18/01/2022)

+ Tiền gốc : 6.072.718.267 đồng.

+ Lãi suất cho vay: 15%

+ Tiền lãi : $6.072.718.267 \text{ đồng} \times 15\% / \text{năm} = 910.907.740$ đồng.

Tổng tiền : $6.072.718.267 \text{ đồng} + 910.907.740 \text{ đồng} = 6.983.626.007$ đồng.

- Năm 2023 (từ 19/01/2022 đến 18/01/2023).

+ Tiền gốc: 6.983.626.007 đồng.

+ Lãi suất cho vay: 15%.

+ Tiền lãi: $6.983.626.007 \text{ đồng} \times 15\% / \text{năm} = 1.047.543.901$ đồng.

Tổng tiền: 6.983.626.007 đồng + 1.047.543.901 đồng = 8.031.169.908 đồng.

- Năm 2024 (từ 19/01/2023 đến 18/01/2024)

+ Tiền gốc: 8.031.169.908 đồng.

+ Lãi suất cho vay: 15%

+ Tiền lãi: 8.031.169.908 đồng x 15%/năm = 1.204.675.486 đồng.

+ Tổng tiền: 8.031.169.908 đồng + 1.204.675.486 đồng = 9.235.845.394 đồng.

- Từ 19/01/2024 đến 31/5/2024 là 4 tháng 16 ngày, làm tròn 4 tháng. Tổng số tiền công ty phải trả cho tôi tính đến ngày 31/05/2024 cụ thể như sau:

+ Tiền gốc: 9.235.845.394 đồng.

+ Lãi suất: 15%

+ Tiền lãi: 9.235.845.394 đồng x 15%/năm x 4/12 tháng = 461.792.269 đồng.

+ Tổng tiền: 9.235.845.394 đồng + 461.792.269 đồng = 9.697.637.633 đồng.

Đến nay, tôi yêu cầu Công ty G phải trả tiền cho tôi tính đến ngày 31/5/2024 là 9.697.637.000 đồng (Chín tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Bị đơn trình bày: Công ty Cổ phần G được UBND Thành phố H giao làm chủ đầu tư nghiên cứu xây dựng trụ sở làm việc, văn phòng cho thuê, khách sạn B1 tại xã T và xã M, huyện T (N là phường T và phường M, quận N), Hà Nội theo Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000940 ngày 10/02/2011 và giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 1 ngày 26/01/2015. Ngày 21/9/2020 Công ty Cổ phần G đã được Sở T1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 333568 để thực hiện dự án. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Công ty Cổ phần G có huy động vốn của một số CBCNV và đối tác bên ngoài để đầu tư dự án.

Tại thời điểm Công ty Cổ phần G1 huy động vốn: Lúc đó ông C là phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần G, ông C là lãnh đạo đồng ý về vấn đề huy động vốn cán bộ công nhân viên và đối tác chiến lược, góp vốn để giải phóng mặt bằng dự án xây dựng Tổ hợp trụ sở làm việc, văn phòng cho thuê, khách sạn B1 tại đường L, xã T và xã M, huyện T, Hà Nội (nay là phường T và phường M, quận N, Hà Nội).

Đối với số tiền nợ gốc của ông Lê Tự C: Công ty xác nhận ông C cho công ty V với số tiền gốc là 2.300.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất là 75%/năm.

Ông C có ý kiến là chỉ tính lãi suất là $9\% \times 150\% = 13,5\%$, và hết thời gian một năm, phần gốc và lãi của năm đó sẽ tự động chuyển lãi thành gốc cho năm tiếp theo thì Công ty không đồng ý. Quan điểm của công ty đề nghị giữ nguyên mức lãi suất 75%/năm theo sự thoả thuận nội bộ của công ty.

Đối với số tiền nợ gốc của ông Lê Tự C: Ngày 26/4/2021, Công ty đã thanh toán cho ông Lê Tự C số tiền gốc là 2.300.000.000 đồng. Trường hợp của ông Lê Tự C là người góp vốn duy nhất được Công ty đã thanh toán hết gốc. Công ty xác nhận sau khi trả hết gốc cho ông C, chưa thanh toán thêm được đồng nào cho ông C do Công ty phải đợi chủ trương tính lãi và thống nhất trả lãi.

Về tiền lãi Công ty có ý kiến là Tiền lãi trong hạn với lãi suất 75%/ năm (theo đúng mức thoả thuận) từ 19/01/2011 đến 19/01/2012 là: 2.300.000.000 đồng $\times 75\%/năm = 1.725.000.000$ đồng.

Về vấn đề thanh toán tiền cho những người đã góp vốn vào dự án, ngày 26/5/2023 Công ty Cổ phần G đã ký thông báo số 20/TB-GLP gửi CBCNV và đối tác ngoài Công ty về việc Công ty Cổ phần G chưa có chủ trương thanh toán gốc và tiền lãi cho C1, người ngoài Công ty do chưa ký được hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác.

Công ty xác nhận việc vay tiền của ông C và Công Ty Cổ phần G chỉ đơn thuần là vay tiền trả lãi, Công ty và ông C không thoả thuận ông C được nhận hay hưởng bất kỳ quyền lợi gì khác từ dự án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C yêu cầu thanh toán tiền lãi: Công ty không chấp nhận cách tính lãi của ông C. Khi công ty ký được hợp đồng hợp tác đầu tư, công ty sẽ họp cán bộ công nhân viên đã góp vốn cho công ty và các nhà đầu tư là những người tham gia góp vốn để thống nhất cách tính lãi, từ đó xem xét trả lại vốn gốc và lãi cho cán bộ công nhân viên đã góp vốn trong dự án và các nhà đầu tư chiến lược ngoài công ty, trong đó có ông C.

Với nội dung như trên. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tự C.

Buộc Công ty Cổ phần G phải trả cho ông Lê Tự C số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi trên nợ lãi trong hạn là: 3.176.410.000 đồng (ba tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Kể từ ngày kế tiếp xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Tự C kháng cáo, yêu cầu tòa án buộc Công ty Cổ phần G2 cho ông số tiền 9.697.637 đồng;

- Bị đơn Công ty Cổ phần G kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm tính lãi từ ngày 20/01/2011 đến ngày 20/01/2022 với lãi suất 13,5%/năm/nợ gốc; từ ngày 21/01/2012 đến 26/4/2021 lãi suất 9%/năm/nợ gốc; từ ngày 27/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm không tính lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Lê Tự C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo: Lãi được cộng dồn theo từng năm trên số tiền nợ gốc (lãi nhập vào gốc theo từng năm), với lãi suất 13,5%/năm. Tính đến ngày 13/4/2025 là 10.158.948.855 đồng.

- Bị đơn Công ty cổ phần G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS năm 2015.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn là Công ty Cổ phần G có địa chỉ tại số D L, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội và nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền lãi vay. Theo đó, tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp đòi tiền lãi cho vay và căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết là có căn cứ đúng pháp luật.

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn đảm bảo về chủ thể, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Tụ C và bị đơn Công ty Cổ phần G, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Căn cứ vào Nghị quyết số 29/NQ-HNCD ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Công ty cổ phần G và phương án huy động vốn số 44/PA-GLP ngày 01 tháng 12 năm 2010 thì Công ty có huy động vốn của các thành viên trong Công ty và đối tác chiến lược, ông Lê Tụ C là Phó Tổng giám đốc công ty có tham gia góp vốn. Tại mục 8.2 của phương án huy động vốn số 44/PA-GLP có qui định thời gian huy động vốn là từ tháng 12/2010 đến tháng 12/2011 và Tại mục 9.2 của phương án huy động vốn số 44/PA-GLP có qui định thời gian huy động vốn là từ ngày 16/12/2010 đến ngày 30/12/2011. Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận ông Lê Tụ C nộp tiền theo phiếu thu số PT009 ngày 19/01/2011 số tiền 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng) (sau đây gọi tắt là tiền nợ gốc) tại diễn giải của phiếu thu có ghi “ thu tiền huy động vốn DA ĐTXD khách sạn 5 sao tại xã T, xã M - T-HN (T12 tháng: lãi suất 75%; 1USD=19.500) có xác nhận của Công ty, người nộp tiền là ông Lê Tụ C, nộp tiền Việt nam đồng, tỷ giá qui đổi thì không qui đổi. Như vậy, phương án huy động vốn của Công ty Cổ phần G không trái với qui định của pháp luật. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trong phương án góp vốn thì chỉ qui định mức lãi suất trả cho ông Lê Tụ C là 75%/năm và ông Lê Tụ C không được hưởng quyền lợi gì khác liên quan đến việc góp vốn, như vậy ông Lê Tụ C chỉ được hưởng tiền lãi từ khoản tiền góp vốn. Theo đó, tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là hình thức ông Lê Tụ C cho Công ty vay tiền và Công ty trả lãi là có căn cứ.

Hết thời hạn cho vay, do Công ty không trả tiền gốc và lãi cho ông Lê Tụ C đúng hạn nên ông C đã nhiều lần yêu cầu Công ty trả lại tiền huy động vốn (cho vay). Công ty đã trả số nợ gốc 2.300.000.000 đồng cho ông C vào ngày 26/4/2021. Như vậy, số tiền nợ gốc Công ty đã trả hết cho ông Lê Tụ C vào ngày 26/4/2021.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất 13,5%/năm từ ngày 19/1/2011 đến ngày 31/12/2016, hết 1 năm thì lãi nhập gốc, yêu cầu lãi chậm trả của khoản lãi trên dư nợ gốc trong hạn. Từ ngày 01/1/2017 đến ngày 26/4/2021 với mức lãi suất 15%/năm, hết 1 năm thì lãi nhập gốc. Sau ngày 26/4/2021 đến nay xét xử sơ thẩm vẫn phải trả lãi với mức lãi suất 15%/năm.

- Yêu cầu lãi nhập vào gốc: Trong phương án huy động vốn, các bên không thỏa thuận về lãi nhập vào gốc. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật.

- Về yêu cầu tính lãi: Trong phương án huy động vốn ngày 01/12/2010 và phiếu thu ngày 19/01/2011, Công ty G đưa ra mức lãi suất 75%/năm là quá cao, không phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình tố tụng, ông C tự nguyện yêu cầu tính lãi 13,5%/năm. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các Điều 474, điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, điều 466, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, để xác định lãi theo từng giai đoạn là có căn cứ đúng pháp luật, cụ thể như sau:

- Tiền lãi suất trong hạn là 13,5%, từ ngày 19/01/2011 đến hết ngày 18/01/2012 (tiền gốc: 2.300.000.000 đồng x 13,5%/ năm x 1 năm = 310.500.000 đồng).

- Tiền lãi quá hạn từ 19/01/2012 đến 31/12/2012 là: 2.300.000.000 đồng x 13,5%/năm x 347 ngày/365 ngày = 295.187.671 đồng.

- Tiền lãi quá hạn từ ngày 01/1/2013 đến ngày 31/12/2016 là: 2.300.000.000 đồng x 9%/năm x 4 năm = 828.000.000 đồng.

- Tiền lãi quá 01/1/2017 đến ngày 26/4/2021 là: 2.300.000.000 đồng x 150% x 10%/năm x 1576 ngày/365 ngày = 1.489.643.836 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn Công ty cổ phần G phải trả cho ông Lê T C là : 310.500.000 đồng + 295.187.671 đồng + 828.000.000 đồng + 1.489.643.836 đồng = 2.923.331.507 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty cổ phần G phải trả cho ông Lê T C tiền lãi trên nợ lãi trong hạn chậm trả từ 01/1/2017 đến ngày 27/8/2024 (xét xử sơ thẩm) là không đúng. Bởi lẽ, trong phương án huy động vốn ngày 01/12/2010 và phiếu thu ngày 19/01/2011, Công ty G đưa ra mức lãi suất không phù hợp với quy định của pháp luật nên theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị Quyết 01/2019/HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì lãi suất được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 không quy định chậm trả lãi thì còn phải trả lãi trên số tiền lãi chưa trả).

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện là 2.923.331.507 đồng nên Công ty G phải án phí là 90.466.630 đồng (cụ thể là $72 + 2\%$ phần giá trị vượt quá 2.000.000.000đ = 90.466.630 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Tự C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu không được chấp nhận.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm; Ông Lê Tự C được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 466, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Ngân hàng N; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, cụ thể: Buộc Công ty Cổ phần G phải trả cho ông Lê Tự C số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là: 2.923.331.507 đồng (hai tỷ chín trăm hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi một nghìn năm trăm linh bảy đồng).

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty Cổ phần G phải nộp 90.466.630 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ông Lê Tụ C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả Công ty Cổ phần G 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006744 ngày 24/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội); hoàn trả ông Lê Tụ C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006741, ngày 20/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm ;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đàm Văn Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa